TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 293/2023/DS-ST
Ngày: 07-8-2023
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Quốc Việt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

2. Bà Võ Thị Mai

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Đỗ Lê Quỳnh Thư – Thư ký Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thu Phượng – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2023/TLST-DS ngày 06/03/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 286/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 274/2023/QĐST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng X
Địa chỉ: Số 266-268 đường N, phường A, Quận B, Thành phố Z.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức T
Địa chỉ: Số 278 đường N, Phường A, Quận B, Thành phố Z.
Giấy ủy quyền số 1069/2022/UQ-TGĐ ngày 22/12/2022 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1985
Địa chỉ: Số 131/2D đường Y, Phường I, Quận G, Thành phố Z (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/2/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trần Đức T trình bày:

Ngân hàng X (gọi tắt là Ngân hàng) và bà Nguyễn Hoàng L đã ký với nhau hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà L, Ngân hàng đã đồng ý cấp lần lượt 4 thẻ tín dụng với hạn mức là 50.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 30/10/2010 cấp thẻ Visa Parkson, lãi suất 2,15%/ tháng; ngày 18/05/2011 cấp thẻ Visa Citimart, lãi suất 2,15%/ tháng; ngày 31/08/2011, cấp thẻ

MC Credit Gold, lãi suất 2,15%/ tháng và ngày 20/03/2012 cấp thẻ Family Local Credit, lãi suất 2,5%/ tháng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà L phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành Thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Bà L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 122.727.255 đồng (trong đó: thẻ Visa Parkson 464932 – 7783 là 71.287.223 đồng, thẻ Visa Citimart 436361 – 4996 là 29.101.118 đồng, thẻ MC Credit Gold 526830 – 1418 là 4.214.562 đồng, thẻ Family Local Credit 970403 – 5278 là 18.124.352 đồng)

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Bà L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 131.353.514 đồng (trong đó: thẻ Visa Parkson 464932 – 7783 là 84.850.000 đồng, thẻ Visa Citimart 436361 – 4996 là 28.338.200 đồng, thẻ MC Credit Gold 526830 – 1418 là 3.945.314 đồng, thẻ Family Local Credit 970403 – 5278 là 14.220.000 đồng). Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, số tiền 131.353.514 đồng được trừ thứ tự cụ thể như sau:

Thẻ Visa Parkson 464932 – 7783 đã thanh toán 84.850.000đ. Số tiền này sau khi trừ đi các khoản gồm phí trễ hạn 2.442.878 đồng, phí 1.760.000 đồng và lãi trong hạn 32.162.731 đồng thì số tiền nợ gốc còn lại là 22.802.832 đồng.

Thẻ Visa Citimart 436361 – 4996 đã thanh toán 28.338.200 đồng. Số tiền này sau khi trừ đi các khoản gồm phí trễ hạn 1.906.871, phí 930.500đ và lãi trong hạn 11.160.265đ thì số tiền nợ gốc còn lại là 14.760.554 đồng.

Thẻ MC Credit Gold 526830 – 1418 đã thanh toán 3.731.924 đồng. Số tiền này sau khi trừ đi các khoản gồm phí trễ hạn 1.200.000 đồng, phí 619.500 đồng và lãi trong hạn 1.643.176 đồng thì số tiền nợ gốc còn lại là 3.731.924 đồng.

Thẻ Family Local Credit 970403 – 5278 đã thanh toán 14.220.000 đồng. Số tiền này sau khi trừ đi các khoản gồm phí trễ hạn 1.490.000 đồng, phí 673.000 đồng và lãi trong hạn 3.984.392 đồng thì số tiền nợ gốc còn lại là 10.051.744 đồng.

Do đó, tính đến ngày 07/8/2023 dư nợ gốc của 4 thẻ tín dụng (thẻ Visa Parkson 464932 – 7783, Thẻ Visa Citimart 436361 – 4996, Thẻ MC Credit Gold 526830 – 1418, Thẻ Family Local Credit 970403 – 5278) là 51.347.054 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà L vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà L (cụ thể: thẻ Visa Parkson 464932 – 7783 và thẻ Visa Citimart 436361 – 4996 ngày 26/01/2015, thẻ MC Credit Gold 526830 và thẻ Family Local Credit 970403 – 5278 ngày 23/01/2015) và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tổng số tiền yêu cầu bà L phải trả tính đến ngày 07/08/2023 là 228.877.913 đồng. Trong đó, dư nợ gốc là 51.347.054 đồng, lãi quá hạn là 177.530.859 đồng

thời phải chịu lãi phát sinh từ ngày 08/08/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là bà Nguyễn Hoàng L vắng mặt nên không thể trình bày ý kiến cũng như đưa ra yêu cầu

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên. Phía bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý giải quyết vụ án theo đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Đảm bảo vụ án được đưa ra xét xử theo thời gian luật định quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể: đã thụ lý đúng thẩm quyền, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tống đạt cho các đương sự các văn bản tố tụng, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và tống đạt cho Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp theo đúng quy định tại các Điều 208, Điều 175, Điều 177, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục:*

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là bà Nguyễn Hoàng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 2 năm 2023 của Ngân hàng X thì đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng và là loại tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo kết quả xác minh của Công an Phường 11, quận Gò Vấp thì bà Nguyễn Hoàng L có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 131/2D đường Y, Phường I, Quận G, Thành phố Z nhưng đã bán nhà chuyển đi đâu không rõ. Do đó, căn cứ

điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Do bà Nguyễn Hoàng L không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn - Ngân hàng X, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) Hội đồng xét xử xác định Ngân Hàng X và bà Nguyễn Hoàng L, Ngân hàng đã phát hành cho bà L lần lượt 4 thẻ tín dụng. Cụ thể là số thẻ 464932 – 7783 (kích hoạt ngày 30/10/2010); số thẻ 436361 – 4996 (kích hoạt ngày 18/05/2011); số thẻ 526830 – 1418 (kích hoạt ngày 31/08/2011) và số thẻ 970403 – 5278 (kích hoạt ngày 20/03/2012), lãi suất 2.4%/1 tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 122.727.255 đồng (trong đó: thẻ Visa Parkson 464932 – 7783 là 71.287.223 đồng, thẻ Visa Citimart 436361 – 4996 là 29.101.118 đồng, thẻ MC Credit Gold 526830 – 1418 là 4.214.562 đồng và thẻ Family Local Credit 970403 – 5278 là 18.124.352 đồng)

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận.

Tại Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng, lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Bà L phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành Thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Theo các chứng cứ trong hồ sơ vụ án thì quá trình sử dụng thẻ, bà Nguyễn Hoàng L đã giao dịch với số tiền 122.727.255 đồng, đồng thời bà L cũng đã đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 131.353.514 đồng. Đối vối số tiền 131.353.514 đồng đã thanh toán, được trừ vào các khoản cụ thể như sau:

Thẻ Visa Parkson 464932 – 7783 đã thanh toán 84.850.000đ. Số tiền này sau khi trừ đi các khoản gồm phí trễ hạn 2.442.878 đồng, phí 1.760.000 đồng và lãi trong hạn 32.162.731 đồng thì số tiền nợ gốc còn lại là 22.802.832 đồng.

Thẻ Visa Citimart 436361 – 4996 đã thanh toán 28.338.200 đồng. Số tiền này sau khi trừ đi các khoản gồm phí trễ hạn 1.906.871, phí 930.500đ và lãi trong hạn 11.160.265đ thì số tiền nợ gốc còn lại là 14.760.554 đồng.

Thẻ MC Credit Gold 526830 – 1418 đã thanh toán 3.731.924 đồng. Số tiền này sau khi trừ đi các khoản gồm phí trễ hạn 1.200.000 đồng, phí 619.500 đồng và lãi trong hạn 1.643.176 đồng thì số tiền nợ gốc còn lại là 3.731.924 đồng.

Thẻ Family Local Credit 970403 – 5278 đã thanh toán 14.220.000 đồng. Số tiền này sau khi trừ đi các khoản gồm phí trễ hạn 1.490.000 đồng, phí 673.000

đồng và lãi trong hạn 3.984.392 đồng thì số tiền nợ gốc còn lại là 10.051.744 đồng.

Do đó, tính đến ngày 07/8/2023 dư nợ gốc của 4 thẻ tín dụng (thẻ Visa Parkson 464932 – 7783, Thẻ Visa Citimart 436361 – 4996, Thẻ MC Credit Gold 526830 – 1418, Thẻ Family Local Credit 970403 – 5278) là 51.347.054 đồng.

Lãi quá hạn là 177.530.859 đồng (trong đó thẻ Visa Parkson 464932 – 7783 là 76.382.508 đồng, thẻ Visa Citimart 436361 – 4996 là 49.444.688 đồng, thẻ MC Credit Gold 526830 – 1418 là 12.513.428 đồng, thẻ Family Local Credit 970403 – 5278 là 39.190.235 đồng).

Phía bà L chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền gốc của các thể tín dụng nói trên nên việc Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là phù hợp với quy định tại Điều 24 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ về số tiền phải thanh toán và thời hạn thanh toán theo quy định tại cam kết đính kèm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng Hợp đồng tín dụng. Do đó khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bà Nguyễn Hoàng L phải thanh toán cho Ngân Hàng X tổng số tiền nợ tính đến ngày 07/08/2023 là 228.877.913 đồng (trong đó nợ gốc là 51.347.054 đồng, lãi quá hạn là 177.530.859 đồng) làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về khoản tiền lãi kể từ sau ngày tòa xét xử sơ thẩm:

Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Kể từ ngày 08 tháng 08 năm 2023 bà Nguyễn Hoàng L còn phải chịu tiền lãi trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Theo quy định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Luật phí, lệ phí tòa án, yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.443.895 đồng. Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Ngân Hàng TMCP Sài Gòn thương Tín là 5.394.440 đồng theo biên lai tạm nộp án phí số 0012821 ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 273, Khoản 1 Điều 280, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X.

Buộc bà Nguyễn Hoàng L phải thanh toán cho Ngân Hàng X số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) của 4 thẻ tín dụng gồm: số thẻ 464932 – 7783 (kích hoạt ngày 30/10/2010); số thẻ 436361 – 4996 (kích hoạt ngày 18/05/2011); số thẻ 526830 – 1418 (kích hoạt ngày 31/08/2011) và số thẻ 970403 – 5278 (kích hoạt ngày 20/03/2012) tổng số tiền là 228.877.913 đồng (hai trăm hai mươi tám triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn chín trăm mười ba đồng). Trong đó nợ gốc là 51.347.054 đồng, lãi quá hạn là 177.530.859 đồng. Trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 08 tháng 08 năm 2023 bà Nguyễn Hoàng L còn phải chịu tiền lãi trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Hoàng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.443.895 đồng. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Thương Tín số tiền 5.394.440 đồng theo biên lai tạm nộp án phí số 0012821 ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q.Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Quốc Việt